

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LAI CHÂU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **26** /NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **13** tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các dự án, công trình phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023 trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 2427/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận bổ sung danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các dự án, công trình phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 327/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023 trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Diện tích đất phải thu hồi của 27 công trình, dự án là 288,31 ha; mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự kiến là 146.396 triệu đồng (có biểu chi tiết số 01 kèm theo).

2. Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 28 công trình, dự án là 39,76 ha, gồm: Đất trồng lúa 33,93 ha, đất rừng phòng hộ 5,83 ha (có biểu chi tiết số 02 kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Đối với các công trình, dự án phải thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất mà có rừng, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XV, kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI THU HỒI ĐẤT PHÁT SINH NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Nghị quyết số **26** /NQ-HĐND ngày **13** tháng **7** năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất dự kiến thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)	Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Các loại đất khác		
	Tổng cộng: 27 công trình, dự án		288,31	40,24	0,89		227,31	146.396	
I	Huyện Than Uyên (6)		15,75	6,71			9,04	31.600	
I.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		15,75	6,71			9,04	31.600	
1	Hạ tầng đô thị thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	1,51	1,00			0,51	19.000	
2	Nâng cấp đường trục đường từ QL32 vào xã Mường Mít	Xã Mường Mít	0,47	0,02			0,45		Dân hiến đất
3	Nâng cấp đường nội bản Hát Nam và đường nội đồng Huổi Lò bản Lào, xã Mường Mít	Xã Mường Mít	0,35				0,35		Dân hiến đất
4	Kè chống sạt lở bờ suối khu vực cánh đồng Mường Than (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Các xã: Mường Than; Phúc Than	3,86	0,80			3,06	3.600	
5	Cải tạo đường trục chính cánh đồng Mường Than (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Các xã: Mường Than; Phúc Than	8,06	4,10			3,96	6.500	
6	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy lợi Mường Than (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Các xã: Mường Than; Phúc Than	1,50	0,79			0,71	2.500	
II	Huyện Tân Uyên (6)		111,02	2,45	0,89		107,68	11.600	
II.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		111,02	2,45	0,89		107,68	11.600	
1	Cấp nước sinh hoạt cụm xã Pắc Ta, Hồ Mít, huyện Tân	Các xã: Pắc Ta, Hồ Mít	0,26		0,26			300	
2	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên	Xã Nậm Sỏ	4,80				4,80		Dân hiến đất
3	Đường giao thông vùng Quế xã Nậm Sỏ, ..., huyện Tân Uyên	Các xã: Nậm Cắn, Nậm Sỏ...	10,89				10,89		Dân hiến đất
4	Đầu tư vùng được liệu quý - Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng tại xã Mường Khoa, Hồ Mít	Xã Mường Khoa	1,00		0,63		0,37		Dân hiến đất
5	Đường Nà Còi - Hồ Cha (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Xã Mường Khoa	42,5	0,85			41,65	5.800	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất dự kiến thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)	Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Các loại đất khác		
6	Đường trục vùng chè Phúc Khoa - Mường Khoa (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Xã Mường Khoa	51,57	1,60			49,97	5.500	
III	Huyện Tam Đường (6)		77,46	24,14			53,32	95.696	
III.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		76,83	23,82			53,01	95.696	
1	Đường Tà Lèng - Vùng Chè cổ (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Xã Tà Lèng	7,57	1,79			5,78	8.000	
2	Đường trục vùng chè Hương Phong - Hợp Nhất - Nà Khuy (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Xã Bản Bo	10,09	0,79			9,30	4.300	
3	Đường Hồ Thầu kết nối đường đi bộ lên đỉnh Pu Ta Leng (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Xã Hồ Thầu	4,34	0,87			3,47	5.200	
4	Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu	Các xã: Giang Ma, Tà Lèng	54,83	20,37			34,46	78.196	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi 58,21 ha (Tam Đường 44,99 ha, thành phố Lai Châu 5,63 ha) tại Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; đăng ký lại trên địa phận huyện Tam Đường do Điều chỉnh vị trí đập dâng lấy nước từ đập Nậm So lên vị trí đập dâng Thèn Pá (nâng cấp đập Thèn Pá), hướng tuyến ống cấp nước tưới để đảm bảo nhu cầu tưới cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đã được quy hoạch và đảm bảo an toàn ổn định tuyến ống khi đưa vào vận hành cũng như phù hợp với giải pháp thi công công trình, bổ sung diện tích, vị trí bãi vật liệu để đảm bảo đủ trữ lượng, chất lượng đất đắp cho hạng mục đập đất.
III.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		0,63	0,32			0,31		

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất dự kiến thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)	Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Các loại đất khác		
5	Giảm tổn thất điện năng cho các TBA có tỷ lệ FIDN >10%: các TBA Pê Si Ngai, Nậm Há, Cấn Ma, Ta Pung huyện Sìn Hồ; TBA CQT 5.2 thành phố Lai Châu; TBA Cốc Pa huyện Tam Đường; TBA Huổi Mẩn huyện Nậm Nhùn	Xã Bản Giang	0,30	0,10			0,20		
6	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng, cải tạo đường dây 0,4kV cho các TBA khu vực huyện Tam Đường năm 2023	Các xã: Thèn Sin, Nà Tầm, Sơn Bình, Bản Bo và thị trấn Tam Đường	0,33	0,22			0,11		
IV	Huyện Phong Thổ (1)		0,02				0,02	150,00	
IV.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		0,02				0,02	150,00	
1	Xây dựng cơ sở vật chất các trường: Phổ thông dân tộc bán trú THCS Vàng Ma Chải; Phổ thông DTBT THCS Si Lở Lầu	Xã Vàng Ma Chải	0,02				0,02	150	
V	Huyện Sìn Hồ (6)		44,83	4,13			40,70	2.250	
V.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		44,83	4,13			40,70	2.250	
1	Nâng cấp đường từ bản Hắt Hơ-QL 12 xã Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ	Xã Sà Dề Phìn	6,50	1,00			5,50	400	
2	Đường đến bản Tì Khí, xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ	Các xã: Chấn Nưa, Tủa Sín Chải	18,00	2,00			16,00	200	
3	Kiên cố hóa đường đến trung tâm xã Cấn Co, Nậm Cuối, huyện Sìn Hồ	Các xã: Cấn Co, Nậm Cuối	4,70	0,50			4,20	200	
4	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi bản Hay xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Hăn	0,20	0,01			0,19	50	
5	Thủy lợi bản Pá Pha - Hua Pha, xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Hăn	0,16	0,02			0,14	200	
6	Đường Nậm Tầm - Nậm Khẩn (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Xã Nậm Tầm, Nậm Cha, Tả Ngáo	15,27	0,60			14,67	1.200	
VI	Huyện Mường Tè (01)		19,87				19,87		
VI.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		19,87				19,87		

Handwritten signature

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất dự kiến thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)	Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Các loại đất khác		
1	Kè chống sạt lở bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại các huyện Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè, tỉnh Lai Châu (tuyến kè Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè)	Thị trấn Mường Tè	19,87				19,87		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi 8,93 ha tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021; đăng ký bổ sung 19,87 ha, do điều chỉnh phạm vi cấm mốc hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện Lai Châu tại Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 với mục tiêu tạo quỹ đất để phát triển kinh tế, xã hội thị trấn Mường Tè
VII	Các công trình, dự án liên huyện (01)		19,36	2,81			16,55	5.100	
VII.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		19,36	2,81			16,55	5.100	
1	Đường trục vùng chè Nậm Phát - Nà Can (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Xã Phúc Khoa	1,86	0,30			1,56	1.700	
		Xã Bản Bo	17,50	2,51			14,99	3.400	
		Tổng	19,36	2,81			16,55	5.100	

Handwritten signature

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG PHÁT SINH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số **26** /NQ-HĐND ngày **13** tháng **7** năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Đanh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)				Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(9)
	Tổng cộng: 28 công trình, dự án		39,76	33,93	5,83		
I	Huyện Than Uyên (5)		6,71	6,71			
I.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		6,71	6,71			
1	Hạ tầng đô thị thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	1,00	1,00			
2	Nâng cấp đường trục đường từ QL32 vào xã Mường Mít huyện Than Uyên	Xã Mường Mít	0,02	0,02			
3	Kè chống sạt lở bờ suối khu vực cánh đồng Mường Than (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Các xã: Mường Than; Phúc Than	0,80	0,80			
4	Cải tạo đường trục chính cánh đồng Mường Than (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Các xã: Mường Than; Phúc Than	4,10	4,10			
5	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy lợi Mường Than (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Các xã: Mường Than; Phúc Than	0,79	0,79			
II	Huyện Tân Uyên (7)		4,09	2,54	1,55		
II.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		3,34	2,45	0,89		
1	Cấp nước sinh hoạt cụm xã Pắc Ta, Hố Mít huyện Tân Uyên	Các xã: Pắc Ta, Hố Mít	0,26		0,26		Biên bản kiểm tra hiện trạng rừng ngày 20/3/2023 xác định là bãi đất trống, không có rừng.
2	Đầu tư vùng được liệu quý - Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng tại xã Mường Khoa, Hố Mít	Xã Mường Khoa	0,63		0,63		Biên bản kiểm tra hiện trạng rừng ngày 13/4/2023 xác định là tuyến đường cũ có bề rộng nền đường 3-5m, chủ yếu là cây bụi không ảnh hưởng đến rừng.
3	Đường Nhà Còi - Hố Cha (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Mường Khoa	0,85	0,85			
4	Đường trục vùng chè Phúc Khoa - Mường Khoa (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Mường Khoa	1,60	1,60			
II.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		0,75	0,09	0,66		
5	Thủy điện Hố Mít	Xã Hố Mít	0,08	0,08			

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)				Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(9)
6	Xây dựng công trình khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá bản Phiêng Phát, xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên	Xã Trung Đồng	0,64		0,64		Biên bản kiểm tra hiện trạng rừng ngày 29/5/2023 xác định từ năm 2017 đến nay không có rừng, không chi trả dịch vụ môi trường rừng.
7	Đường dây 35kV đầu nối Thủy điện Suối Lính vào lưới điện quốc gia	Các xã: Hố Mít, Pắc Ta	0,03	0,01	0,02		Biên bản kiểm tra hiện trạng rừng ngày 17/3/2023 xác định hiện trạng không có rừng
III	Huyện Tam Đường (6)		3,81	3,81			
III.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		3,49	3,49			
1	Công an xã Nùng Nàng	Xã Nùng Nàng	0,04	0,04			
2	Đường Tà Lèng - Vùng Chè cổ (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Xã Tà Lèng	1,79	1,79			
3	Đường trục vùng chè Hương Phong - Hợp Nhất - Nà Khuy (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Xã Bản Bo	0,79	0,79			
4	Đường Hồ Thầu kết nối đường đi bộ lên đỉnh Pu Ta Leng (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Xã Hồ Thầu	0,87	0,87			
III.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		0,32	0,32			
5	Giảm tổn thất điện năng cho các TBA có tỷ lệ TTĐN >10%: các TBA Pề Si Ngải, Nậm Há, Cấn Ma, Ta Pung huyện Sìn Hồ; TBA CQT 5.2 thành phố Lai Châu; TBA Cốc Pa huyện Tam Đường; TBA Huổi Mẩn huyện Nậm Nhùn	Xã Bản Giang	0,10	0,10			
6	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng, cải tạo đường dây 0,4kV cho các TBA khu vực huyện Tam Đường năm 2023	Các xã Thèn Sin, Nà Tăm, Sơn Bình, Bản Bo và thị trấn Tam Đường	0,22	0,22			
IV	Huyện Phong Thổ (1)		4,28		4,28		
IV.1	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		4,28		4,28		
1	Thủy điện Chàng Phàng	Xã Sìn Suối Hồ	4,28		4,28		Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 08/7/2020 và ngày 06/9/2022 xác định hiện trạng không có rừng.
V	Huyện Sìn Hồ (6)		4,13	4,13			
V.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		4,13	4,13			
1	Nâng cấp đường từ bản Hắt Hơ-QL 12	Xã Sà Dề Phìn	1,00	1,00			
2	Đường đến bản Tìu Khí, xã Tùu Sín Chải, huyện Sìn Hồ	Xã Chấn Nưa	2,00	2,00			



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)				Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(9)
3	Kiên cố hóa đường đến trung tâm xã Cấn Co, Nậm Cuối, huyện Sìn Hồ	Các xã: Cấn Co, Nậm Cuối	0,50	0,50			
4	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi bản Hay xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Hăn	0,01	0,01			
5	Thủy lợi bản Pá Pha - Hua Pha, xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Hăn	0,02	0,02			
6	Đường Nậm Tăm - Nậm Khăn (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Các xã: Nậm Tăm, Nậm Cha, Tả Ngáo	0,60	0,60			
VI	Thành phố Lai Châu (01)		7,90	7,90			
VI.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		7,90	7,90			
1	Cơ sở làm việc Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động thuộc Phòng Cảnh sát bảo vệ và cơ động Công an tỉnh Lai Châu	Xã San Thàng	7,90	7,90			
VII	Các công trình dự án liên huyện (02)		8,84	8,84			
VII.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		2,81	2,81			
1	Đường trục vùng chè Nậm Phát - Nà Can (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	Xã Phúc Khoa huyện Tân Uyên	0,30	0,30			
		Xã Bản Bo huyện Tam Đường	2,51	2,51			
		Tổng	2,81	2,81			
VII.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		6,03	6,03			
2	Thủy điện Nà An	Các xã: Mường Khoa, Phúc Khoa huyện Tân Uyên	4,93	4,93			
		Xã Bản Bo huyện Tam Đường	1,10	1,10			
		Tổng	6,03	6,03			

Changson